TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/KDTM-PT
Ngày: 09 - 6 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1085/2019/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 864/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) QH.

Trụ sở: 44/1 KP1, phường TA, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh V (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 27 AC, Phường T14, Quận X11, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền số 01/UQ-2017 ngày 27/9/2017.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH TP.

Địa chỉ: 345 Đường số 10, Phường T8, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T1 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Phòng 804, số 151 NĐC, Phường T6, Quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền số 01/2018/QUQ ngày 08/8/2018.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Duy A – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Công ty TNHH TP.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do người đại diện trong quá trình giải quyết và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có ý kiến như sau:

Thông qua email, nguyên đơn đã gia công in hàng may mặc cho bị đơn được nhiều đơn hàng nhỏ với giá rẻ. Nguyên phụ kiện để gia công in là của bị đơn cung cấp. Chất lượng in do bên thuê gia công tự kiểm tra lúc giao nhận hàng. Hai bên không tồn tại một thỏa thuận hay quy định nào về chất lượng. Bị đơn không có yêu cầu nào về quy chuẩn chất lượng gia công in.

Đầu năm 2016, bị đơn có thuê nguyên đơn in gia công giá thành phẩm mặt hàng áo thun với giá theo từng mã hàng. Nguyên đơn đã in xong và giao hàng đầy đủ bao gồm các mã hàng: 190YOS16082 (19.614.000 đồng), GHI16BS001 (7.848.000 đồng), YOS16061 (23.265.000 đồng), B227 (136.458.900 đồng), B228 (190.320.000 đồng), LNQ22 (13.602.000 đồng), LQ21 (3.474.000 đồng). Bị đơn đã thanh toán 100.000.000 đồng, còn nợ 322.581.900 đồng (sau thuế, thuế VAT 28.000.000 đồng), cấn trừ 7.304.462 đồng. Còn lại 315.277.438 đồng. Đến ngày 12/02/2016, bằng mail hai bên xác nhận công nợ còn 315.277.438 đồng. Đến ngày 12/12/2016, bằng email bị đơn cho rằng bị khách hàng trừ 114.046.410 đồng với lý do hàng in hư, đòi khấu trừ vào nợ. Nguyên đơn yêu cầu trả lại hàng in hư để sửa hoặc sẽ trừ ra nhưng bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn có nhiều lần cảnh báo với bị đơn về nguyên phụ liệu không bảo đảm, mực in bị thiếu hụt luôn phải bổ sung, không đồng nhất về loại mực, chất lượng mực, nhưng bị đơn bỏ qua, vẫn yêu cầu làm hàng.

Nguyên đơn không chấp nhận Biên bản xác nhận trừ tiền ngày 12/09/2016 của Công ty T. Sự việc không hợp lý vì không có trao đổi trước, khả năng là ngụy tạo. Hợp đồng số 01/16 ngày 20/01/2016 có số lượng hàng không khớp (2.650 cái) với đơn hàng của nguyên đơn (2.585 cái), hợp đồng bằng Tiếng Việt, không cùng mẫu dấu và người ký với biên bản xác nhận trừ tiền; Hàng của nguyên đơn gia công in không thuộc hợp đồng của đối tác này. Về phản hồi hàng in hư từ bên Nhật: sau khi bị đơn đồng ý nhận hàng và đã xuất khẩu, nên không xác định được hàng bị hư lúc nào, do chất lượng nguyên phụ liệu hay do kỹ thuật in, hàng hư của nguyên đơn in hay bên khác in.

Nguyên đơn không đồng ý thẩm định mẫu áo in hư, do việc thu giữ mẫu không niêm phong, mẫu không rõ nguồn thuộc đơn hàng nào, bị bong tróc khi nào, có bị tác động không. Bị đơn cũng đã xác nhận mẫu áo in hư là của kỳ hàng lần trước, nên không phải đối tượng phản tố yêu cầu trừ tiền.

Nguyên đơn đã in xong toàn bộ đơn hàng, chất lượng hàng in do bị đơn kiểm tra và đã đồng ý nhận hàng, hàng hóa đã được bị đơn xuất sang Nhật Bản. Bị đơn không chứng minh được nguyên đơn có lỗi, nên đòi bồi thường và cấn trừ vào nợ gia công in của nguyên đơn là vô lý và không có căn cứ.

Đối với Công ty TNHH HN (Công ty HN) là bên gia công may, không liên quan đến gia công in nên không đồng ý triệu tập tham gia tố tụng.

Đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gia công đầy đủ 315.277.438 (Ba trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm ba mươi tám) đồng; nguyên đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn khấu trừ 114,046,410 đồng (5,154.64 USD) theo Biên bản xác nhận trừ tiền hàng lập ngày 12/9/2016 của Công ty T.

Bị đơn có người đại diện và luật sư bảo vệ trong quá trình giải quyết, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trình bày:

Bị đơn có thuê (thông qua email) nguyên đơn gia công in hàng may mặc nhiều lần, nguyên phụ liệu in do bị đơn cung cấp, chất lượng gia công in do bị đơn tự kiểm tra lúc giao nhận hàng, đồng ý mới nhận hàng.

Tại đơn hàng YONEX ngày 02/6/2016, (in gia công bán thành phẩm áo thun), mã hàng YOS16061, số lượng kế hoạch 2.500 bộ, sau 3-5 ngày nhận hàng thì trả hàng in. Số hàng trên nguyên đơn đã gia công in xong, việc kiểm tra và giao nhận hàng gia công in bên bị đơn có Công ty HN thực hiện và không có ý kiến gì. Toàn bộ số hàng trên đã được bán xuất khẩu sang Nhật Bản cho Công ty Công ty T (trụ sở ở 1-3-10, Japan) tại Hợp đồng số 01/16 ngày 20/01/2016 bị đơn ký với Công ty T (Bên thuê gia công), với Công ty HN – bên gia công may, và Công ty TP – Bên gia công in). Đến Nhật Bản thì màu vải in không đạt chất lượng, hình in bị dính và bong tróc đối với màu in Gold và Silver. Nguyên đơn gia công in chính cho hợp đồng này. Việc in hư là có thật, nguyên đơn đã có lần phải sửa khắc phục lỗi in (Bị đơn xuất trình Mẫu áo in hư lần trước). Bị đơn và Công ty T không còn quan hệ nên không thể trao đổi.

Với 1.398 sản phẩm in hư [(1398 cái * (3.500 đ (TT) + 5.500đ (TS)], gia công bị lỗi có giá gia công là 12.582.000 đồng bị đơn đã bị đối tác phạt số tiền 5.514,64 USD (Biên bản xác nhận trừ tiền ngày 12/9/2016 giữa Công ty T và Công ty TP) là do lỗi gia công của Công ty QH nên bị đơn không đồng ý trả công in cho 1.398 sản phẩn in hư với số tiền là 12.582.000 đồng.

Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về nợ công in là 315.277.438 đồng, sau khi khấu trừ số hàng in hư còn nợ 302.695.438 đồng (Vì không đồng ý trả tiền gia công cho 1.398 sản phẩm in hư, bị lỗi số tiền 12.582.000 đồng). Do nguyên đơn không chấp nhận bồi thường 5.154,64 USD nên chưa chốt được công nợ thanh toán.

Tại Đơn phản tố ngày 07/8/2017, Đơn đề nghị 07/8/2017, và tại phiên tòa bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường 114.046.410 đồng tương đương 5.154,64 USD do lỗi gia công in (Theo Biên bản xác nhận trừ tiền ngày 12/9/2016 giữa

Công ty T và Công ty TP); xác nhận nợ gia công 302.695.438 đồng bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn; Bị đơn yêu cầu Giám định mẫu áo in hư, triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm: Công ty T (Nhật Bản), Công ty HN (Bên gia công may); Không yêu cầu giải quyết đối với thiệt hại về uy tín và cơ hội kinh doanh ước tính số tiền 30.000.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1085/2019/KDTM-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bộ luật dân sự; Luật thương mại; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH TP thanh toán cho Công ty TNHH QH nợ gia công in số tiền 315.277.438 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH TP yêu cầu Công ty TNHH QH bồi thường thiệt hại 114,046,410 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2019, Công ty TNHH TP kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 02/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 38/QĐKNPT-VC3-KDTM kháng nghị bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo bị đơn đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện dẫn đến phán quyết làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm không làm rõ các tình tiết trong vụ án, không đưa công ty HN là đơn vị nhận hàng, xuất hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để xác định hàng có lỗi hay không. Phía bị đơn có nhận lại được 1 áo chưa xuất đi đề

nghị Tòa án cấp sơ thẩm giám định nhưng Tòa án không thực hiện. Email thể hiện nội dung trao đổi giữa 2 bên nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để làm rõ những vấn đề trên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý: Công ty HN là công ty gia công áo, công ty TP là công ty gia công in, việc này là việc riêng của bị đơn nên đưa công ty HN vào tranh chấp giữa công ty QH và công ty TP là không hợp lý. Ngay tại phiên tòa sơ thẩm, công ty TP yêu cầu giám định áo nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm công ty TP xác nhận không còn áo, nhưng công ty TP lại đưa ra tại phiên tòa sơ thẩm là không có cơ sở xác định áo từ đâu có. Đối với các Email thì công ty QH không tiếp xúc nên không có ý kiến, nội dung trao đổi giữa 2 công ty chỉ là trao đổi về công nợ. Biên bản xác nhận trừ tiền: Theo công ty QH có thể là giả tạo, không có gì bảo đảm dấu trên biên bản là của công ty bên Nhật Bản, không có chứng cứ chứng minh số tiền công ty TP đã chuyển cho công ty Nhật Bản. Từ đó, nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Vì bị đơn không chứng minh được số tiền có liên quan đến việc gia công của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo những không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng không tính án là không đúng quy định theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn công ty TNHH QH khởi kiện yêu cầu công ty TNHH TP thanh toán số tiền nợ gia công in hàng may mặc là 315.277.438 đồng, theo xác nhận công nợ ngày 12/02/2016 qua email giữa 02 bên.

Bị đơn công ty TNHH TP đồng ý về số nợ công in là 315.277.438 đồng. Tuy nhiên, số hàng trên công ty TP đã bán xuất cho công ty tại Nhật Bản theo hợp đồng số 01/16 ngày 20/01/2016, với công ty HN (bên gia công may), công ty TP (bên gia công), khi đến Nhật Bản thì 1.398 sản phẩm có màu vải không đạt chất lượng, hình in bị dính và bong tróc, nên bị đơn không đồng ý trả tiền công in đối với số sản phẩm trên tương đương 12.582.000 đồng. Do đó, số tiền nợ công in là 315.277.438 đồng – 12.582.000 đồng = 302.695.438 đồng. Đồng thời, bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải bồi thường số tiền 114.046.410 đồng (là số tiền bị đơn chịu phạt cho công ty tại Nhật Bản do hàng bị lỗi).

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm đã nhận định:

Đầu năm 2016, thông qua email bị đơn có thuê nguyên đơn in gia công bán thành phẩm mặt hàng áo thun với giá theo từng mã hàng. Nguyên đơn đã in xong giao hàng đầy đủ được bị đơn đồng ý nhận hàng, bao gồm các mã hàng: 190YOS16082 (19.614.000 đồng), GHI16BS001 (7.848.000 đồng), YOS16061 (23.265.000 đồng), B227 (136.458.900 đồng), B228 (190.320.000 đồng), LNQ22 (13.602.000 đồng), LQ21 (3.474.000 đồng). Bị đơn đã thanh toán 100.000.000 đồng, còn nợ 322.581.900 đồng, trừ nợ 7.304.462 đồng, dư nợ 315.277.438 đồng bị đơn và nguyên đơn đều xác nhận đúng.

Vấn đề hàng in hư do các bên mua bán ngoại thương phản hồi, phát sinh sau khi giao nhận gia công in, sau khi bị đơn bán hàng là thuộc trách nhiệm của bị đơn. Bị đơn xác nhận có kiểm tra chất lượng gia công in lúc giao nhận hàng, đã đồng ý nhận hàng gia công in. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh Hợp đồng số 01/16 ngày 20/01/2016 giữa bị đơn với bên khác có liên quan đến nghĩa vụ của nguyên đơn. Toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc có 1.398 sản phẩm in hư: Màu in không đạt chất lượng, hình in bị dính và bong tróc đối với màu in Gold và Silver, không đồng ý trả tiền công in 12.582.000 đồng và đòi bồi thường thiệt hại 114.046.410 đồng (quy đổi 5.154,64 USD) là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ và phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại đối với số tiền 114.046.410 đồng bị đơn bị phạt do lỗi gia công in. Pháp luật dân sự quy định các điều kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là có lỗi, có thiệt hại xảy ra và có mối quan hệ nhân quả giữa lỗi và thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên, bị

đơn không chứng minh được lỗi của nguyên đơn trong việc in ấn; không chứng minh được hợp đồng với công ty tại Nhật Bản có liên quan đến nguyên đơn. Do đó, có đủ cơ sở xác định yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là thiếu sót. Vì vậy, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn công ty TNHH TP. Chấp nhận quyết định kháng nghị số 38/QĐKNPT-VC3-KDTM ngày 02/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án sơ thẩm số 1085/2019/KDTM-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH TP thanh toán cho Công ty TNHH QH nợ gia công in số tiền 315.277.438 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH TP yêu cầu Công ty TNHH QH bồi thường thiệt hại 114,046,410 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH TP phải chịu 21.466.193 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí 3.601.160 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toàn án số AA/2017/0027334 ngày 21/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, còn phải nộp

tiếp 17.865.033 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH QH 8.064.548 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toàn án số AA/2016/0018865 ngày 17/6/2017 của Chi cục thi hành án quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn trả cho Công ty TNHH TP tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toàn án số AA/2017/0048627 ngày 27/3/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II/ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH TP không phải chịu, hoàn trả 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024860 ngày 31/10/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
- Lưu (10) 17b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên